

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 88/CV-CT ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Công nghệ thông minh Hoàng Kim và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 16/CV-CT ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất sản phẩm lọc nhựa loại C”.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 302 /TTr-SNNMT ngày 22 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ thông minh Hoàng Kim được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất sản phẩm lọc nhựa loại C” tại nhà xưởng thuê của Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ viễn thông Vina, địa chỉ tại thôn Đoài, xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: “Nhà máy sản xuất sản phẩm lọc nhựa loại C”.

1.2. Địa điểm hoạt động: nhà xưởng thuê của Công ty Cổ phần sản xuất

và dịch vụ viễn thông Vina tại thôn Đoài, xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0801466804 do phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp, Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/8/2025.

1.4. Mã số thuế: 0801466804.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các sản phẩm từ plastics (sản xuất lược nhựa).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích: 4.122 m² (nhà xưởng thuê theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 02/2025/HĐT NX/VINA-HK ngày 15/9/2025 và Phụ lục Hợp đồng ngày 26/9/2025 giữa Công ty TNHH Công nghệ thông minh Hoàng Kim với Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ viễn thông Vina).

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Công suất thiết kế: 200.000 sản phẩm lược nhựa/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Sản phẩm thường: nguyên liệu (hạt nhựa ABS + hạt nhựa màu) → Trộn → Sấy → Ép phun → Kiểm tra, cắt bavìa → Sơn Acrylic → Sấy khô → In lô gô → Cấy lông → Cắt lông thừa → Nhuộm hạt → Hàn phụ kiện (nếu có) → Đóng gói, nhập kho chờ xuất xưởng.

+ Sản phẩm in chuyên nước: nguyên liệu (hạt nhựa ABS + hạt nhựa màu) → Trộn → Sấy → Ép phun → Kiểm tra, cắt bavìa → In chuyên nước → Rửa sạch → Sấy → Sơn PU → Sấy khô → In lô gô → Cấy lông → Cắt lông thừa → Nhuộm hạt → Hàn phụ kiện (nếu có) → Đóng gói, nhập kho chờ xuất xưởng.

+ Bavìa nhựa/sản phẩm lỗi (phát sinh từ công đoạn kiểm tra, cắt bavìa) → Nghiền nhỏ → Sử dụng làm nguyên liệu sản xuất.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định

tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ thông minh Hoàng Kim:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

2. Công ty TNHH Công nghệ thông minh Hoàng Kim có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày ... tháng ... năm 2036).

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Hà Bắc;
- Công ty TNHH Công nghệ thông minh Hoàng Kim;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Cổng Thông tin điện tử TP (để đăng tải công khai Giấy phép môi trường);
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, N.X. Thành.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường; không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường. Cụ thể:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của Dự án do Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ viễn thông Vina thu gom, xử lý theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 02/2025/HĐTNX/VINA-HK ngày 15/9/2025 và Phụ lục Hợp đồng ngày 26/9/2025 (Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ viễn thông Vina là đơn vị cho thuê nhà xưởng đã thực hiện đăng ký môi trường và được Ủy ban nhân dân xã Hà Bắc tiếp nhận tại Văn bản số 316/UBND-KT ngày 05/9/2025).

- Nguồn số 02: nước làm mát máy ép phun và khuôn ép nhựa được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất được tái sử dụng và định kỳ thay mới sau đó chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không thải ra môi trường.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải sơn, sấy được thu gom và chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh tập trung được xử lý sơ bộ qua bể phốt (tổng thể tích 16 m³) và nước thải phát sinh từ khu vực rửa tay trong khuôn viên nhà xưởng được thu gom theo đường ống về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (công suất xử lý 30m³/ngày đêm) của Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ viễn thông Vina.

- Nguồn số 02: nước làm mát máy ép phun và khuôn ép nhựa được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất (hoạt động in chuyển nước; hoạt động vệ sinh khuôn in, bảo dưỡng khuôn; các buồng phun sơn tự động và thủ công) được tái sử dụng, định kỳ thay mới và được thu gom vào téc chứa sau đó chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không thải ra môi trường.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải sơn, sầy được thu gom về téc chứa sau đó chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt: Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ viễn thông Vina đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất xử lý 30 m³/ngày đêm.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước làm mát máy ép phun và khuôn ép nhựa

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước làm mát máy ép phun và khuôn ép nhựa → Bình trữ lạnh → Hệ thống Chiller (Hệ thống Chiller để làm mát, công suất 100 Kw → Tháp giải nhiệt 1 → Tháp giải nhiệt 2 → Bơm tuần hoàn về bể ngưng của Hệ thống Chiller) → Bơm tuần hoàn về bể chứa nước (30 m³) để tiếp tục sử dụng cho quá trình làm mát máy ép phun và khuôn ép nhựa; không thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế của tháp giải nhiệt làm mát: 50 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.2.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất và hệ thống xử lý khí thải sơn, sầy

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải → Téc chứa nước thải; không thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 06 téc chứa HDPE, dung tích chứa 2.000 lít/téc.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Tuân thủ quy trình vận hành hệ thống thu gom, tuần hoàn nước làm mát; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các trang thiết bị, trang bị một số thiết bị dự

phòng như máy bơm dự phòng và các phụ tùng khác để đảm bảo trong trường hợp có hư hỏng thì thiết bị, máy móc được thay thế kịp thời để tránh tình trạng toàn bộ hệ thống hoạt động không hiệu quả; bố trí cán bộ có chuyên môn, được đào tạo, tập huấn về vận hành, phòng ngừa và ứng phó sự cố.

- Phối hợp chặt chẽ với Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ viễn thông Vina (đơn vị cho thuê nhà xưởng) thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không xả ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, tuần hoàn nước làm mát.

3.3. Phối hợp chặt chẽ với Công ty Cổ phần sản xuất và dịch vụ viễn thông Vina (đơn vị cho thuê nhà xưởng) trong quá trình thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình triển khai, hoạt động Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt hạt nhựa bằng máy ép phun.
- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ quá trình sơn và sấy.
- Nguồn số 03: khí thải phát sinh từ quá trình pha sơn.
- Nguồn số 04: bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn trộn nguyên liệu tự động.
- Nguồn số 05: khí thải phát sinh từ quá trình in chuyển nước.
- Nguồn số 06: khí thải phát sinh từ khu vực in lô gô.
- Nguồn số 07: bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn phụ kiện.
- Nguồn số 08: bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn nghiền bavia nhựa, sản phẩm hỏng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

STT	Dòng thải	Ống thải tương ứng	Tọa độ vị trí xả thải	Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (m^3 /giờ)
1	Dòng khí thải số 01	Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01	X (m) = 2318701 Y(m) = 567239	15.000
2	Dòng khí thải số 02	Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 02	X (m) = 2318734 Y(m) = 567214	27.000

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 42.000 m^3 /giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục trong thời gian hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
I	Dòng khí thải số 01				
1	Bụi	mg/Nm ³	≤ 80	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	mg/Nm ³	≤ 80		
II	Dòng khí thải số 02				
1	Acrylonitril (C ₃ H ₃ N)	mg/Nm ³	≤ 7	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Styren (C ₆ H ₅ CH=CH ₂)	mg/Nm ³	≤ 100		
3	1,3-Butadien (C ₄ H ₆)	mg/Nm ³	≤ 20		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt hạt nhựa bằng máy ép phun → Chụp hút → Quạt hút (công suất 15.000 m³/giờ) → Ống thoát khí (cao 15 m) → Môi trường.

- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ quá trình sơn và sấy → Đường ống dẫn → Hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế 27.000 m³/giờ để xử lý → Ống thoát khí (cao 15 m) → Môi trường.

- Nguồn số 03 - 07: Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn số 03, 04, 05, 06, 07, 08 không phải xử lý và không phát sinh thành dòng thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt hạt nhựa bằng máy ép phun:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt hạt nhựa bằng máy ép phun → Đường ống dẫn → Quạt hút (công suất 15.000 m³/giờ) → Ống thoát khí (cao 15m) → Môi trường.

+ Công suất thiết kế của quạt hút: 15.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình sơn và sấy:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: khí thải phát sinh từ quá trình sơn (Buồng phun sơn → Buồng sơn màng nước → Chụp hút) và sấy (Buồng sấy → Chụp hút) → Đường ống dẫn → Quạt hút 1 → Tháp dập bụi cấp 1 → Xyclone lọc bụi ướt → Buồng lọc khô → Buồng hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút 2 → Ống thoát khí (cao 15m) → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 27.000 m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, màng lọc khô làm bằng sợi polyeste tổng hợp, than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và dự phòng thiết bị thay thế cho các hệ thống xử lý khí thải; vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình hoặc yêu cầu của nhà sản xuất.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, quần áo, mũ bảo hộ, khẩu trang,...cho cán bộ nhân viên tại khu vực phát sinh bụi, khí thải và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động của cán bộ, nhân viên.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường không khí. Thông báo cho cơ quan chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành các công xử lý bụi, khí thải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải công đoạn ép phun, công suất 15.000 m³/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi, mùi, khí thải công đoạn sơn và sấy, công suất 27.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí lấy mẫu khí thải tại ống thải khí của hệ thống

xử lý bụi, mùi, khí thải công đoạn sơn và sấy; 01 vị trí lấy mẫu khí thải tại ống thải khí của hệ thống xử lý bụi, mùi, khí thải công đoạn ép phun.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: thực hiện quan trắc chất thải đảm bảo ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.5. Chủ Dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường được cấp và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: khu vực phun ép.
- Nguồn số 02: khu vực sơn và sấy.
- Nguồn số 03: quạt hút tại hệ thống xử lý khí thải buồng sơn, buồng sấy.
- Nguồn số 04: quạt hút tại hệ thống xử lý mùi khu vực ép phun.
- Nguồn số 05: khu vực tháp giải nhiệt.
- Nguồn số 06: khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 07: khu vực máy nghiền.

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

Thời gian áp dụng, giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn (đơn vị: dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
70	65	60	-	Khu vực E
QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

2.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng, giá trị tối đa cho phép đối với và mức rung (đơn vị: dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
75	70	-	Khu vực D
QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật.
- Thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo máy móc luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung theo quy định.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên dự kiến khoảng 3.351,81 kg/năm, gồm

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	225
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 05	35
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	50
4	Sơn thải	08 03 01	10
5	Màng lọc, than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	2.437,31
6	Cặn sơn	19 10 02	466
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	70
8	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 02	54,5
9	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	4
Tổng khối lượng			3.351,81

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến khoảng 12,467 tấn/năm, gồm:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bavia, hạt nhựa rơi vãi	6,24
2	Sản phẩm lỗi hỏng	5,0
3	Khuôn đúc vỡ hỏng thải	0,2
4	Bao bì hỏng	0,03
5	Lông thừa khi cắt tia và phụ kiện lược hỏng	0,497
6	Cặn nạo vét hệ thống thoát nước mưa	0,5
Tổng khối lượng		12,467

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến khoảng 13,42 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho chứa: Dự án bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại trong khu vực nhà xưởng. Kho được thiết kế có tường bao quanh, nền đổ bê tông chống thấm. Bên trong kho có bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt, có dán mã, tên chất thải nguy hại và trang bị đầy đủ thiết bị PCCC, đảm bảo quy cách; khu vực lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; chất thải được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Diện tích kho chứa: 20 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho chứa: Dự án bố trí 01 kho chất thải rắn thông thường trong khu vực nhà xưởng (cạnh kho chứa chất thải nguy hại). Kho được thiết kế có tường bao, nền đổ bê tông chống thấm; chất thải được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Diện tích: 10 m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chủ dự án bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy trong khuôn viên nhà xưởng và thực hiện chuyển giao hàng ngày cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-UBND
ngày ... tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 229/2025/QĐ-UBND ngày 9/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chủ Dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu sử dụng trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi

trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.
